

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 699/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 8 - 2023
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Nguyên
- Bà Phan Thị Dòn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 290/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ T, Ấp A, xã C, huyện B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh T2, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ T, Ấp A, xã C, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Võ Thanh T2 tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 1998, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/98 ngày 07 tháng 11 năm 1998. Thời gian đầu bà T1 và ông T2 chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T2 nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo vợ con. Bà T1 có khuyên nhủ nhiều lần, nhưng

ông T2 không thay đổi nên từ đó vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mặc dù vẫn sống chung một nhà. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T1 được ly hôn với ông T2.

Về con chung: Bà T1 và ông T2 chung sống với nhau có 02 con chung tên Võ Thị Ngọc H, sinh ngày 04/9/1999, giới tính nữ đã trưởng thành và Võ Bảo G, sinh ngày 02/9/2008, giới tính nam. Khi ly hôn, bà T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ G, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T1 và ông T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T1 và ông T2 không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Thanh T2 trình bày:

Ông Võ Thanh T2 thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc T1 về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do ông T2 nghi ngờ bà T1 có quan hệ bất chính với người khác nên từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi và không còn quan tâm lẫn nhau từ tháng 01/2022 đến nay dù vẫn sống chung một nhà. Nay ông T2 vẫn còn thương vợ con nên ông T2 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T1. Ông T2 xin được đoàn tụ.

Trường hợp Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì ông T2 đồng ý giao trẻ G cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T2 không cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, ông T2 không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T2 và yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ G, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông Võ Thanh T2 vắng mặt, nhưng có lời trình bày không đồng ý ly hôn với bà T1; nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì ông T2 đồng ý giao trẻ G cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T2 không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T1.

- Về con chung: Giao trẻ Võ Bảo G cho bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Võ Thanh T2.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Võ Thanh T2. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Võ Thanh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T2.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/98 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố H cấp ngày 07 tháng 11 năm 1998 thì hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Võ Thanh T2 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời bà T1 trình bày thì bà T1 và ông T2 phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022, nguyên nhân là do ông T2 thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện chửi mắng, xúc phạm bà T1 và các con; ông T2 còn không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo vợ con. Bà T1 đã khuyên nhủ và tha thứ cho ông T2 rất nhiều lần, nhưng ông T2 vẫn không thay đổi. Nay bà T1 không còn tình cảm với ông T2, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà T1 yêu cầu Tòa án cho bà T1 được ly hôn với ông T2.

Đối với ông T2 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời trình bày không đồng ý ly hôn với bà T1 và xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do ông T2 nghi ngờ bà T1 có quan hệ bất chính với người khác nên từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi và không còn quan tâm lẫn nhau từ tháng 01/2022 dù vẫn sống chung một nhà.

Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố H thì:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Võ Thanh T2 có đăng ký kết hôn ngày 07/11/1998; có đăng ký khai sinh cho trẻ Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1999 và trẻ Võ Bảo G, sinh năm 2008.

- Ủy ban nhân dân xã chưa tiếp nhận thông tin, chưa tổ chức hòa giải mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Võ Thanh T2.

Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa bà T1 và ông T2 xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, hàn gắn được mặc dù cả hai vẫn còn sống chung một nhà. Bản thân bà T1 không còn yêu thương và không còn muốn tiếp tục chung sống với ông T2. Ông T2 trình bày vẫn còn thương vợ con, nhưng lại không đưa ra được biện

pháp đoàn tụ, thuyết phục bà T1 hàn gắn gia đình nên Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, việc ông T2 xin đoàn tụ là không có căn cứ; bà T1 xin ly hôn với ông T2 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Bà T1 và ông T2 xác định có 02 con chung tên Võ Thị Ngọc H, sinh ngày 04/9/1999, giới tính nữ đã trưởng thành và Võ Bảo G, sinh ngày 02/9/2008, giới tính nam. Khi ly hôn, bà T1 yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ G; ông T2 cũng đồng ý giao trẻ G cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ G có nguyện vọng ở với bà T1 khi bà T1 và ông T2 ly hôn nên để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chung cần giao trẻ G cho bà T1 nuôi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi trẻ G nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: Bà T1 và ông T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3.4]. Về nợ chung: Bà T1 và ông T2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T1 đối với ông Võ Thanh T2.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 được ly hôn với ông Võ Thanh T2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/98 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Thành phố H cấp ngày 07 tháng 11 năm 1998 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Trẻ Võ Thị Ngọc H, sinh ngày 04/9/1999, giới tính nữ đã trưởng thành.

Giao trẻ Võ Bảo G, sinh ngày 02/9/2008, giới tính nam cho bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con chung có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai có quyền cản trở quyền thăm nom con chung.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Võ Thanh T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 và ông Võ Thanh T2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0042426 ngày 17/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Xuân Hương